

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15 -5-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn,”.

Giữa H T H và T V N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà. Đặng Thị Bích Loan

2. Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2018, về việc tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

N đơn: Bà H T H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp X , xã T Đ, huyện B L, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông T V N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp X, xã T Đ, huyện B L, tỉnh Long An

(Bà H có mặt, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N đơn bà H T H trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Bà H T H, Ông T V N xác lập quan hệ hôn nhân năm 1994, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã T Đ, huyện B L, tỉnh Long An..

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của ông N được 6 tháng thì cha mẹ anh N so sống riêng, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà bạo lực gia đình , nhiều lần bà khuyên và động viên ông N sửa chữa những khuyết điểm nhưng ông N không sửa đổi. Mâu

thuần ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay bà H không thể tiếp tục chung sống với ông T V N và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà H và ông N chung sống không có con chung .

Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ bà H và ông N.

Tài liệu chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng NH kết hôn; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018 ông T V N trình bày: Ông và bà H chung sống năm 1994 và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T Đ, quá trình chung sống không hạnh phúc, nay bà H xin ly hôn ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà H chung sống không có con chung .

Về tài sản chung; Nợ chung: Ông N xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: N đơn vẫn giữ N ý kiến trình bày và vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị : Chấp NH xin hôn của bà H T H.

Về nuôi con chung :Bà H và ông N không có con chung .

Về tài sản chung và nợ chung : Bà H và ông N xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết .

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà H T H khởi kiện ly hôn với ông T V N . Căn cứ Điều 28; Điều a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn* ”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt .

Về nội dung tranh chấp:

[3] Bà H T H, ông T V N xác lập quan hệ vợ chồng năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện B L, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết

hôn số 90/2014 , ngày 16/12/2014. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nh.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với anh N, Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống không đảm bảo hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau bà H và ông N không tìm được biện pháp giải quyết và vẫn sống ly thân từ 4/2018. Bà H quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn và tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018 của Tòa án đối với ông T V N thì ông N và bà H chung sống không hạnh phúc, và đồng ý ly hôn. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bà H và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nh yêu cầu xin ly hôn của bà H T H.

[4] Về nuôi con chung: Bà H T H và Ông T V N chung sống không có con chung

[5] Tài sản chung; Nợ chung: Bà H, ông N đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H T H với ông T V N

1. Về hôn nhân: Cho bà H T H được ly hôn với ông T V N .
2. Về nuôi con chung: Bà H T H và ông T V N không có con chung .
3. Về án phí: Bà H T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06359 ngày 04/4/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã A T;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

